

Bản án số: 199/2024/DS-ST;
Ngày: 03/5/2024;
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
- Ông Nguyễn Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2024/QĐST-DS ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q1 và Khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1).

Đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện Ngân hàng TMCP S theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến thẻ tín dụng và tín dụng tiêu dùng.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Lã Ngọc M, sinh năm: 1970.
(Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Ngô Bích V.

Địa chỉ: D, đường T, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 19/02/2019, bà Ngô Bích V có ký với Ngân hàng TMCP S – CN Quận H – PGD Rạch Ông hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ với mục đích tiêu dùng cá nhân, chi tiết như sau:

Số HĐTD: LD1905000090 ngày 19/02/2019.

Số tiền vay: 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng);

Thời hạn vay: 24 tháng;

Thời điểm trả hết nợ: 19/02/2021;

Phương thức trả nợ: khi trả nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi vay), bên vay phải trả nợ vay cùng loại tiền với loại tiền đã nhận nợ tương ứng (VNĐ) đính kèm Hợp đồng này hoặc đính kèm theo từng giấy nhận nợ tương ứng.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay, bà Ngô Bích V đã liên tục thanh toán trễ khoản vay. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến hết ngày 03/5/2024 bà Ngô Bích V còn nợ khoản vay tín chấp như sau:

Diễn giải	Vốn	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn
LD1905000090	11,250,000	3,375,000	9,647,209

Tổng cộng: 24,272,209 (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm lẻ chín đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay các khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên khách hàng vẫn chưa thanh toán các khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

Buộc bà Ngô Bích V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/05/2024 là 24,272,209 (Bằng chữ: *Hai mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm lẻ chín đồng*).

Trong đó:

Nợ gốc: 11.250.000 đồng;

Lãi trong hạn: 3.375.000 đồng;

Lãi quá hạn: 9.647.209 đồng;

Tổng cộng: 24.272.209 đồng.

Ngoài ra bà Ngô Bích V còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 04/05/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn xuất phát từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ theo Văn bản trả lời xác minh của Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn hiện không còn cư trú tại địa chỉ D đường T, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hồ sơ cấp thẻ tín dụng cho bà Ngô Thị Bích V1 do Ngân hàng cung cấp thể hiện bà V1 cư trú tại địa chỉ D đường T, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngày 19/02/2019 bà V1 có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ; các điều khoản chung về cấp tín dụng và Phụ lục lịch trả nợ – Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Bà V1 với Ngân hàng ký kết Hợp đồng tín dụng số LD 1905000090 với số tiền vay là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay: 24 tháng, thời điểm trả hết nợ: ngày 19/02/2021, phương thức trả nợ vay: Khi trả nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi vay).

Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà V1 liên tục thanh toán trễ hạn khoản vay. Tính đến ngày 03/5/2024 bà V1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 18.750.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 11.250.000 đồng.

Căn cứ vào bảng tính lãi chi tiết của Ngân hàng cung cấp ngày 03/5/2024 chi tiết như sau:

- Số Giấy nhận nợ: LD 1905000090
- Ngày vay: 19/02/2019
- Ngày đáo hạn: 19/02/2021
- Số tiền vay: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)
- Tổng dư nợ: 11.250.000 đồng
- Lãi trong hạn: 3.375.000 đồng
- Lãi quá hạn (tính trên vốn quá hạn): 8.512.243 đồng
- Lãi phạt chậm trả (tính trên lãi quá hạn): 1.134.966 đồng
- Lãi suất: 15%/năm
- Tổng số tiền thanh toán: 24.272.209 đồng

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tới làm việc để tham gia hòa giải cũng như xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc nêu trên, do đó Tòa án không thể thu thập được chứng cứ từ phía bị đơn. Như vậy thể hiện việc bị đơn đương nhiên chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, văn bản, kết luận, của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Qua các lần nhắc nợ bằng văn bản bà V1 đã không đến Ngân hàng TMCP S để thanh toán là vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ mà bà V1 và Ngân hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V1 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/05/2024 là 24.272.209 (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, hai trăm bảy hai nghìn, hai trăm lẻ chín đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất áp dụng theo quy định tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nợ số LD 1905000090 ngày 19/02/2019: xét thấy, tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nợ thì thỏa thuận lãi và mức lãi suất giữa Ngân hàng TMCP S và bà Ngô Bích V1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về dân sự.

Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi nộp đơn khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bà Ngô Bích V1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính tới ngày 03/05/2024 là 24.272.209 (Hai mươi bốn triệu, hai trăm bảy hai nghìn, hai trăm lẻ chín) đồng.

Trong đó:

Nợ gốc: 11.250.000 đồng;

Lãi trong hạn: 3.375.000 đồng;

Lãi quá hạn: 9.647.209 đồng;

Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành. Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Ngô Bích V1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Ngô Bích V1 phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí:

Buộc bà Ngô Bích V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.213.610 (một triệu, hai trăm mười ba nghìn, sáu trăm mười) đồng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 566.132 (năm trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi hai) đồng khi nộp đơn khởi kiện theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030756 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương

